TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **401**/2024/QĐST-HNGĐ	*Hoài Đức, ngày 06 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 373/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1991; Trú tại: Đông Trại, xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994; Trú tại: thôn 6, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2019 tại UBND xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, không thể đoàn tụ được, anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P và chị T thực sự trầm trọng, nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Thiện L, sinh ngày 20/6/2021. Sức khỏe con chung bình thường. Anh chị thống nhất giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh P đóng góp nuôi con chung là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận.

[3] Về tài sản và nhà đất chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn P tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Sự tự nguyện của anh P là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T cùng thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Thiện L, sinh ngày 20/6/2021.

Anh chị thống nhất thoả thuận giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh P tự nguyện đóng góp nuôi con chung là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng, kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều

468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh P có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[1.3] Về tài sản và nhà đất chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[1.4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn P tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh P đã nộp theo Biên lai thu số 0005966 ngày 29/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND x.LT, h.VL, HY (GCN số 86/2019 ngày 17/12/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lan Anh